TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2026/DS-PT
Ngày 09/6/2026
V/v "*Tranh chấp chia di sản thừa kế*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Luân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Phượng

Ông Trương Quang Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L1 số: 41/2026/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc "*Tranh chấp chia di sản thừa kế*" do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2026/DS-ST ngày 30/01/2026, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên bị kháng cáo, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Th H, sinh năm 1954. HKTT: Số nhà.., ngõ .., phố L, phường T, thành phố Hà Nội. (*có mặt*)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Hóa: Luật sư

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn V T, sinh năm 1958. HKTT: Thôn Phương Trung, xã Tân Hưng, tỉnh Hưng Yên. (*có mặt*)

Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T:

Người được bị đơn ủy quyền: Chị Nguyễn Thị H T, sinh năm 1987. Anh Nguyễn Thế Anh, sinh năm 1999. Theo giấy ủy quyền ngày 02/6/2025.

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Nguyễn Thị T P, sinh năm 1990. Trú tại: Ấ, xã H, tỉnh T. Chị Png ủy quyền cho anh T theo giấy ủy quyền ngày 17/11/2025. (*chị Phương vắng mặt*)

3.2. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1963. (*có mặt*)

3.3. Anh Nguyễn T, sinh năm 1999 (*có mặt*)

Cùng trú tại: Thôn P, xã T, tỉnh H.

3.4. Chị Nguyễn Thị H T, sinh năm 1987. Trú tại: Thôn B, xã Y, tỉnh N. (*có mặt*)

3.5. Bà Trần Thị T, sinh năm 1957. Trú tại Số nhà , ngõ phố L, phường T, thành phố H (*có đơn xin vắng mặt*)

Do có kháng cáo của ông Nguyễn Th H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Th H trình bày:

Ông là con đẻ của cụ ông Nguyễn Văn Th (mất năm 1998) và cụ bà Hoàng Thị Đ (mất năm 1988). Cụ T, cụ Đ sinh được 05 người con là: Nguyễn Văn Qh, sinh năm 1943 (liệt sỹ), Nguyễn Văn M, sinh năm 1947 (đã mất), Nguyễn Văn C, sinh năm 1949, ông (Nguyễn Văn H) sinh năm 1954, Nguyễn Văn T, sinh năm 1956. Ngoài ra cụ Đ có một người con gái riêng là Nguyễn Thị H, sinh năm 1939 (đã mất), cụ Trích có 01 người con gái riêng cũng đã mất. Năm 1963 ông được 10 tuổi thì cụ ông Nguyễn Văn Đ1 và cụ bà Hoàng Thị L1 nhận ông làm con nuôi. Cụ Đ1 và cụ Trích là họ hàng con chú con bác, còn cụ Đỉnh là chị gái ruột cụ L1. L1 do cụ Đ1, cụ L1 nhận ông làm con nuôi vì hai cụ không có con, lại là người trong họ, còn nhà ông thì đông anh em. Việc ông sang nhà cụ Đ1, cụ L1 làm con nuôi được bố mẹ đẻ ông đồng ý, họ hàng, hàng xóm đều biết. Lúc đó ông đã cắt khẩu và chuyển sang ăn thủ công nghiệp theo nhà bố mẹ nuôi, còn bố mẹ đẻ ăn theo hộ nông nghiệp. Năm 1969 bố mẹ nuôi ông có nhận nuôi thêm ông Nguyễn V T là trẻ lang thang cơ nhỡ, không rõ nguồn gốc. Năm 1973 ông đi công nhân, lên Hà Nội làm việc và sinh sống trên đó đến nay. Ông T sinh sống cùng bố mẹ nuôi tại quê nhà. Tuy không còn ở cùng nhưng ông vẫn chăm lo phụng dưỡng gửi tiền, gạo về cho cụ Đ1 cụ L1, khi các cụ ốm đau, mất đi, ma chay, xây mộ ông đều đóng góp tiền cho ông T cùng lo cho các cụ. Năm 1998 cụ L1 mất, năm 2000 cụ Đ1 mất, đều không để lại di chúc. Các cụ đã để lại tài sản là nhà và diện tích 319m^2 đất thổ cư và vườn (tại thửa 173, 171) và đất ao 174m^2 (thửa số 172), thuộc tờ bản đồ số 3 và 1,4 sào đất ruộng. Năm 2003 ông có bàn với ông T chia di sản bố mẹ nuôi để lại nhưng ông T không đồng ý. Tại đơn khởi kiện ban đầu ngày 05/5/2025 ông khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia toàn bộ di sản thừa kế của cụ Đ1 cụ L1 để lại. Ngày 11/7/2025 ông Hcó đơn xin rút yêu cầu chia phần đất ruộng 1,4 sào và nhà trên đất. Ông chỉ yêu cầu chia diện tích đất 493m^2 và trích công sức cho vợ chồng ông T là 01m đất chiều rộng và chiều dài hết thửa đất.

Bị đơn ông Nguyễn V T và người được bị đơn ủy quyền trình bày: Ông T được cụ Nguyễn Văn Đ1 và cụ Hoàng Thị L1 nhận làm con nuôi năm 1966, lúc đó ông 8 tuổi. Ông là trẻ lang thang. Ông sinh sống cùng bố mẹ nuôi liên tục từ năm 1966 tại đội 4, thôn Phương Trung, xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Khi ông lấy vợ và sinh 03 người con cũng vẫn ở cùng bố mẹ nuôi. Ngoài bố mẹ nuôi, thì gia đình ông không còn ai khác sinh sống cùng. Khi cụ Đ1, cụ L1 ốm đau, đến năm 1998 cụ L1 mất, năm 2000 cụ Đ1 mất, lo ma chay, thờ cúng, giỗ chạp, sang cát, xây mộ cho hai cụ đều do vợ chồng ông lo liệu. Nguồn gốc mảnh đất mà gia đình ông đang ở và sử dụng là của cụ Nguyễn V Đ2(em trai cụ Đ1), ở trong Nam ra năm 1957 mua ở xóm Cống Thông, xã

Phương Chiểu, sau đó cụ Điều đổi về xóm Đoàn Kết, xã Phương Chiểu. Sau này cụ Điều xây ngôi nhà lợp lá để ở. Khi cụ Điều vào Nam công tác tiếp có giao nhà đất lại cho cụ Đ1 trông nom. Năm 1996 cụ Đ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 493m^2 đất, trong đó có 196m^2 đất ở và 90m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 173; 33m^2 đất trồng cây lâu năm thuộc thửa số 171; 174m^2 đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa số 172, tất cả đều thuộc tờ bản đồ số 3. Đối với toàn bộ tài sản trên đất thì ngôi nhà lợp lá cụ Điều xây dựng để ở, sau này cụ Đ1, cụ L1, vợ chồng ông ở đã xuống cấp nên vợ chồng ông đã phá bỏ toàn bộ. Hiện nay toàn bộ tài sản trên đất là do vợ chồng ông và các con ông xây dựng lên. Ngày 30/7/2025 ông T có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hóa; Công nhận quyền thừa kế hợp pháp của ông đối với toàn bộ di sản thừa kế của cụ Đ1 cụ L1 để lại. Ngày 10/12/2025 ông T có đơn xin rút một phần và thay đổi một phần yêu cầu phản tố với nội dung: Ông xin rút yêu cầu công nhận quyền thừa kế hợp pháp của ông và yêu cầu Tòa án công nhận ông là con nuôi thực tế duy nhất của cụ Đ1, cụ L1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn T H trình bày: Anh là con trai ông T, bà Loan, cháu nội cụ Đ1, cụ L1. Đối với toàn bộ diện tích đất mà gia đình anh đang sử dụng bây giờ là của ông nội anh được cụ Nguyễn V Đ2để lại (trước khi cụ Điều vào Nam công tác tiếp). Anh là con và là cháu trong nhà thì không có công sức gì đối với toàn bộ diện tích đất 493m^2 này. Nhưng khoảng năm 2023-2024 anh có bỏ ra 150.000.000 đồng để bố mẹ làm lán bếp, lán sân từ cổng vào và làm mái tôn nhà cấp 4 cũ. Với yêu cầu khởi kiện của ông Hóa, anh đề nghị Tòa án xem xét đánh giá tài liệu chứng cứ để xác định xem ông Hcó phải là con nuôi của cụ Đ1, cụ L1 không. Còn phần tài sản trên đất mà anh bỏ tiền ra cho bố mẹ xây dựng, nếu phần đất di sản mà ông Hđược hưởng trên đất có tài sản của anh bỏ tiền ra xây dựng thì đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T P trình bày: Chị là con gái ông T, bà Loan, cháu nội cụ Đ1, cụ L1. Đối với toàn bộ diện tích đất mà gia đình chị đang sử dụng bây giờ là của ông nội chị là cụ Nguyễn Văn Đ1. Toàn bộ diện tích đất bao nhiêu chị không nắm rõ. Khi chị ở bên Nhật khoảng tháng 8/2012 chị có gửi tiền về cho bố mẹ ở nhà khoảng hơn 300 triệu đồng để xây 01 nhà mái bằng và tầng gác lửng nối liền với gian nhà cũ của bố mẹ. Khi cụ Đ1, cụ L1 mất chị vẫn ở nhà và lúc đó tầm 8 -10 tuổi không thấy ông bà nội nhắc đến ông Hlà con nuôi của ông bà chị nhưng có nghe nói ông Hlà con của cụ Đỉnh, cụ Trích. Nay ông Hkhởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế. Quan điểm của chị là muốn toàn bộ tài sản trên đất bây giờ là nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên, không đồng ý chia đất theo yêu cầu khởi kiện của ông Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L trình bày: Bà là vợ ông T, con dâu cụ Đ1, cụ L1. Trước khi kết hôn với ông T bà có biết ông T là con nuôi của hai cụ khi ông T 8 tuổi. Khi về làm dâu, bà chỉ thấy cụ Đ1, cụ L1 và vợ chồng bà sinh sống. Bà và ông T sinh được 03 người con, các cháu đều sinh ra

và lớn lên trên mảnh đất mà hai cụ ở. Bà không nghe thấy hai cụ nói ông Hlà con nuôi của hai cụ bao giờ. Khi hai cụ ốm đau, đến khi mất chỉ có vợ chồng bà chăm sóc, lo ma chay, sang cát, xây mộ. Đối với nguồn gốc mảnh đất của cụ Đ1 bà chỉ biết là của cụ Điều để lại. Năm 1996 cụ Đ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn cụ thể diện tích và số tờ, số thửa như nào bà không biết. Năm 1999 cụ Đ1 muốn sang tên toàn bộ đất cho ông T. Sau đó vợ chồng bà đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi vay Ngân hàng nông nghiệp lấy vốn làm ăn. Hiện nay vợ chồng bà đang quản L1 và sử dụng toàn bộ diện tích đất của cụ Đ1, cụ L1 để lại. Toàn bộ tài sản xây dựng trên đất là do vợ chồng bà xây dựng và đổ đất cát vào ao vượt lập lên, các con có đóng góp thêm về sau để tạo dựng mới và sửa sang lại nhà cửa. Bà đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hchia di sản thừa kế của cụ Đ1, cụ L1 để lại. Yêu cầu Tòa án công nhận di sản thừa kế cụ Đ1, cụ L1 để lại thuộc về ông T vì ông T là con nuôi duy nhất của cụ Đ1 cụ L1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị H T là con của ông T, bà Loan: Có đơn đề ngày 10/12/2025 xác nhận và từ chối quyền lợi đối với tài sản trên đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Tích trình bày: Bà và ông Hkết hôn năm 1982. Bà biết ông Hlà con đẻ của cụ Nguyễn Văn Trích và Hoàng Thị Đỉnh. Bà thấy ông Hnói là được cụ Đ1, cụ L1 nhận ông làm con nuôi năm 07 tuổi, khi nhà có công việc gì hay giỗ tết thì vợ chồng bà có về nhà thăm bố mẹ nuôi và bố mẹ đẻ ông Hóa. Khi cụ Đ1, cụ L1 mất thì vợ chồng bà đều về chịu tang, ông Hvà ông T bàn bạc với nhau về kinh tế lo tang cho hai cụ, hết bao nhiêu hai nhà cùng chịu nhưng bà không biết cụ thể số tiền lo tang hết bao nhiêu, ông Hchi trả đưa cho ông T. Tiền lo ma chay cho cụ Đ1, cụ L1 là tiền chung 2 vợ chồng bà. Bà không biết rõ về nguồn gốc đất và tài sản trên đất của hai cụ. Khi còn sống thì vợ chồng cụ Đ1 quản L1 sử dụng, sau hai cụ mất thì vợ chồng ông T sử dụng đến giờ. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hchia đôi di sản thừa kế của cụ Đ1 cụ L1 để lại và trích công sức cho vợ chồng ông T trông nom quản L1 đất của hai cụ để lại tính bằng giá trị đất di sản là 1m mặt ngang và chiều dài hết thửa đất thực tế.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2015/DS-ST ngày 30/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên đã quyết định:

[1]. Không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Th H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ nuôi cụ Nguyễn Văn Đ1 và cụ Hoàng Thị L1.

[2]. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn V T. Công nhận ông Nguyễn V T là con nuôi thực tế của cụ Nguyễn Văn Đ1 và cụ Hoàng Thị L1.

[3]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Hchia nhà và đất ruộng 1,4 sào.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông T công nhận quyền thừa kế hợp pháp của ông T đối với toàn bộ di sản thừa kế của cụ Đ1 cụ L1.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/02/2026 ông Nguyễn Th H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên toà phúc thẩm, ông Hgiữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Htrình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm về thủ tục tố tụng khi trong các biên bản lấy lời khai của người làm chứng có thể hiện ông Lương là người chứng kiến nhưng ông Lương đã có đơn thể hiện ông Lương không được biết về những nội dung này. Về nội dung thì có căn cứ xác định ông Hlà con nuôi thực tế của cụ Đ1 và cụ L1 vì đã được anh em trong nội tộc của ông Hthừa nhận, phù hợp với phong tục tập quán vì ông Hlà cháu của 2 cụ, 2 cụ lại không có con. Về thủ tục, tài liệu chứng minh thì ông Hkhông cung cấp được vì thời điểm ông Hlàm con nuôi của hai cụ do hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, nhận thức của người dân về thủ tục còn hạn chế, ông Hđã cung cấp được bản kê khai L1 lịch năm 1975 do ông Htự kê khai, mặc dù không có xác nhận của cơ quan tổ chức nào nhưng nó phù hợp với giai đoạn lịch sử đó đất nước mới hòa bình, hoàn cảnh khó khăn, các thủ tục hành chính chưa được quan tâm, chú ý thực hiện. Do đó, có căn cứ xác định ông Hvà ông T đều là con nuôi thực tế của cụ Đ1, cụ L1, vì vậy ông Hcó quyền hưởng thừa kế của hai cụ để lại, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của cụ Đ1, cụ L1 cho ông Hvà ông T, có tính công sức quản L1 tôn tạo tài sản cho ông T bằng 1m ngang và dài hết phần đất. Ông Hnhất trí với ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, không bổ sung gì.

Ông T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là chị Trang, anh T Hvà người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông T đều trình bày: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, những người liên quan, những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ đều thể hiện ông T là con nuôi của cụ Đ1, cụ L1. Trong các đơn do cụ Đ1 viết từ năm 1983 trở lại đây đều thể hiện ông T là con nuôi duy nhất của hai cụ. Việc ông Hkhởi kiện và trình bày ông được 2 cụ nhận làm con nuôi nhưng không đưa ra bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của ông Hlà có căn cứ, việc nhận ông Hlàm con nuôi cụ Đ1, cụ L1 chỉ được những người thân, ruột thịt, họ hàng của ông Hnhư ông Chấn, ông Chiến, ông Nguyên, ông Dục, ông Loan…thừa nhận tuy nhiên lời khai của ông các ông nêu trên đều có nhiều mâu thuẫn vì tại thời điểm đó các ông đều còn nhỏ, thậm chí chưa sinh ra, đều trình bày là được nghe kể lại, không phải là người trực tiếp chứng kiến…trong khi những người làm chứng khác có quan hệ ruột thịt với các cụ, hàng xóm, người quen, đại diện chính quyền giai đoạn trước đều xác nhận ông Hkhông phải là con nuôi của hai cụ mà chỉ có ông T được nhận làm con nuôi hợp pháp. Đối với quyền sử dụng đất của cụ Đ1 để lại thì có nguồn gốc của cụ Điều

chuyển lại thừa kế cho ông Quảng và ông Quảng đã giao cho cụ Đ1 quản L1 sử dụng từ trước năm 1983, do đó là tài sản riêng của cụ Đ1 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996, đến năm 1999 cụ Đ1 đã cho tặng lại cho ông T được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Hóa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ L1 và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã chấp thành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ c vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Hóa, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2026/DS-ST ngày 30/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA AN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về thủ tục tố tụng:

- Về đơn kháng cáo: Sau khi Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên ra Bản án sơ thẩm số 11/2026/DS-ST ngày 30/01/2026. Đến ngày 05/02/2026, ông Nguyễn Th H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án, ông Hthuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ theo quy định tại Điều 70, Khoản 1 Điều 273 BLTTDS, ông Nguyễn Th H kháng cáo trong thời hạn luật định nên đơn kháng cáo của ông Hlà hợp pháp và được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn thấy:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 12/5/2025 Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên (cũ) nhận được đơn khởi kiện của ông Nguyễn Th H đề ngày 05/5/2024 yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của bố mẹ nuôi để lại là nhà và quyền sử dụng đất ở, đất vườn diện tích 319m^2 tại thửa 173, 171 và đất ao 174m^2 tại thửa 172, tờ bản đồ số 03 và 1,4 sào đất ruộng tại thôn Phương Trung, xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Ngày 11/7/2025 ông Hcó đơn xin rút yêu cầu phân chia nhà và đất ruộng. Theo đơn phản tố ngày 30/7/2025 ông Nguyễn V T yêu cầu công nhận quyền thừa kế hợp pháp của ông đối với toàn bộ di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Đ1, cụ Hoàng Thị L1. Ngày 10/12/2025 ông T có đơn xin rút yêu cầu phản tố công nhận quyền thừa kế cho ông. Ông yêu cầu công nhận ông là con nuôi thực tế duy nhất của cụ Đ1, cụ L1. Tòa án cấp sơ thẩm xác định là *"tranh chấp về quyền thừa kế và chia di sản thừa kế"* là có căn cứ theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn V T cư trú tại thôn Phương Trung, xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (cũ) nay là thôn Phương Trung, xã Tân Hưng, tỉnh Hưng Yên nên Tòa án nhân dân khu vực 1- Hưng Yên thụ L1 và giải quyết là đúng quy định theo Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2.3] Về xác định tư cách tố tụng: Ông Hcó đơn khởi kiện chia di sản thừa kế do ông T, bà Loan đang quản L1. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Hlà nguyên đơn, ông T là bị đơn và các con của ông T gồm anh Nguyễn Thế Anh, chị Nguyễn Thị T P, chị Nguyễn Thị H T và bà Trần Thị Tích (vợ ông Nguyễn Th H) là người có quyền, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định theo Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

[2.4] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Hoàng Thị L1 chết năm 1998, cụ Nguyễn Văn Đ1 chết năm 2000. Căn cứ vào Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015 thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế còn trong thời hạn luật định

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Xác định quan hệ con nuôi của cụ Nguyễn Văn Đ1 và cụ Hoàng Thị L1

Theo lời khai của ông Nguyễn Th H khẳng định ông được cụ Nguyễn Văn Đ1, cụ Hoàng Thị L1 nhận làm con nuôi từ năm 1963 do nhà ông đông anh em, vợ chồng cụ Đ1 lại không có con chung, cụ L1 là em gái cụ Đỉnh, ông sang ăn ở nhà cụ Đ1 từ năm 1963 đến năm 1973 ông lên Hà Nội làm việc và sống đến bây giờ. Năm 1969 hai cụ nhận thêm ông T là trẻ lang thang làm con nuôi. Ông T ở với hai cụ, sau này là vợ con ông T, đến khi hai cụ mất đi thì hiện nay gia đình ông T vẫn đang sinh sống trên mảnh đất của cụ Đ1, cụ L1. Vợ chồng cụ Đ1 chỉ nhận ông T, ông Hlàm con nuôi, ngoài ra không còn nhận ai làm con nuôi nữa. Theo lời khai của ông Nguyễn V T khẳng định ông được cụ Đ1, cụ L1 nhận nuôi năm 1966, khi về ở với hai cụ chỉ có mình ông không có ông Hóa. Lời khai của những người liên quan và người làm chứng đều thừa nhận ông Nguyễn V T được cụ Nguyễn Văn Đ1 và cụ Hoàng Thị L1 nhận nuôi. Ngoài ra, các tài liệu được thu thập hợp pháp như biên bản họp họ năm 1983, đơn xin chuyển sổ đỏ và chuyển quyền sử dụng đất + ao cho con ngày 01/11/1999 của cụ Đ1, giấy khai sinh của ông T…đều thể hiện ông T được cụ Đ1, cụ L1 nhận làm con nuôi từ khi ông T còn nhỏ. Kết quả xác minh và các tài liệu được thu thập hợp lệ thể hiện ông T xuất phát là trẻ lang thang không rõ nguồn gốc được cụ Đ1, cụ L1 nhận nuôi, đặt tên và mang họ của cụ Đ1, các cụ cho đi học, lớn lên dựng vợ, sau vợ chồng ông T đều sinh các con ăn ở cùng vợ chồng cụ Đ1. Tất cả những người làm chứng khi Tòa án xác minh đều xác nhận vợ chồng ông T chăm lo cho hai cụ từ khi ốm đau, mất đi, lo ma chay, sang cát, xây mộ. Mặt khác, tại văn bản xin khai báo về đất ao, nhà ở ngày 21/10/1983 của cụ Đ1 thì chỉ thấy cụ nhắc đến gia đình gồm có vợ chồng cụ và vợ chồng ông T (BL47), tại đơn xin chuyển sổ đỏ và chuyển quyền sử dụng đất + ao cho con ngày 01/11/1999 cụ Đ1 có nguyện vọng

đề nghị UBND xã Phương Chiểu cho cụ đổi tên sổ đỏ của cụ cho ông T là con trai (BL46), cả hai văn bản này không thấy cụ Đ1 nhắc gì đến ông Hlàm con nuôi. Tại giấy khai sinh của Nguyễn T Hngày 28/10/1999 (là con trai ông T, bà Loan) cụ Đ1 là người đi đăng ký khai sinh cho cháu thể hiện mối quan hệ với người được khai sinh là ông nội (BL49). Theo giấy khai sinh của ông T thì việc đăng ký khai sinh có trong sổ hộ tịch đăng ký khai sinh và cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử thể hiện ông Nguyền V T, sinh ngày 11/12/1958 được khai sinh tại số 190/2021, quyển số 01/2021 tại UBND xã Phương Chiểu vào ngày 17/5/2021 với thông tin người cha Nguyễn Văn Đ1, người mẹ Hoàng Thị L1 (BL48). Như vậy, các đương sự đều thừa nhận và được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận nên các tình tiết xác định ông Nguyễn V T là con nuôi hợp pháp của cụ Nguyễn Văn Đ1 và cụ Hoàng Thị L1 thuộc trường hợp không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn V T là có căn cứ và đúng quy định.

Đối với quan điểm của ông Hcho rằng ông được cụ Nguyễn Văn Đ1 và cụ Hoàng Thị L1 nhận làm con nuôi trên thực tế thì thấy việc xác nhận ông Hđược cụ Đ1, cụ L1 nhận làm con nuôi không có căn cứ pháp L1 nào thể hiện mà chỉ dựa vào lời khai của ông Hvà xác nhận của người thân của ông Hnhưng ông T và những người thân khác của cụ L1, cụ Đ1 cũng như như một số người làm chứng khác không thừa nhận. Theo lời khai và kết quả xác minh thể hiện thực tế việc cụ Đ1 cụ L1 nhận ông Hvà ông T làm con nuôi thì bản thân ông Hóa, ông T đều khẳng định không biết hai cụ có đi đăng ký nhận con nuôi với Ủy ban nhân dân xã Phương Chiểu bấy giờ. Căn cứ Điều 24 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959 quy định "*việc nhận nuôi con nuôi phải được Ủy ban hành chính cơ sở trú quán của người nuôi hoặc của đứa trẻ công nhận và ghi vào sổ hộ tịch*" Theo biên bản xác minh ngày 14/8/2025 tại UBND xã Tân Hưng (BL 110) thể hiện "*Ủy ban không có sổ và hồ sơ đăng ký nhận nuôi con nuôi từ năm 1963 đến năm 1970. Ủy ban xã Tân Hưng chỉ có sổ đăng ký nhận nuôi con nuôi khoảng những năm 2000 trở lại. Tính từ ngày 01/7/2025 sau khi sáp nhập thực hiện chính quyền hai cấp Ủy ban xã được sáp nhập từ 03 xã (Tân Hưng, Phương Nam, Thủ Sỹ) nên Ủy ban xã đã được bàn giao sổ đăng ký nhận nuôi con nuôi của 03 xã cũ từ Ủy ban nhân dân thành phố Hưng Yên và Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lữ. Xã Phương Nam gồm xã Phương Chiểu và xã Hồng Nam*". Việc cụ Đ1, cụ L1 nhận ông Hlà con nuôi chỉ có ông Nguyễn Văn Chấn (anh trai ruột ông Hóa) khẳng định sự việc này, còn những người làm chứng khác như lời khai của ông Lê Công Định, ông Nguyễn Phúc Nguyên (BL152, 154) có khẳng định thấy hồi nhỏ ông Hăn cơm và ở nhà cụ Đ1, có nghe nói cụ Đ1, cụ L1 nhận ông Hlàm con nuôi nhưng hình thức nhận con nuôi như nào các ông đều không biết. Ông Nguyễn Ngọc Loan khẳng định ông chỉ nghe thấy cụ Trích, cụ Đỉnh (bố mẹ ông Hóa) bảo là ông Hlà con nuôi của cụ Đ1, cụ L1, ông không nghe từ miệng vợ chồng cụ Đ1 nói. Ông không thấy có việc ông Hchung sống với cụ Đ1 cụ L1 tầm 10 năm (BL 182,

183). Ông Nguyễn Quang Ngọc (nguyên chủ tịch UBND xã Phương Chiểu cũ từ năm 1979 -2000, từ năm 2000-2005 là Bí thư xã, sau về nghỉ hưu tại quê nhà) khẳng định: Ông không tận mắt chứng kiến việc cụ Đ1, cụ L1 nhận ông Hóa, ông T làm con nuôi, không biết các cụ nhận con nuôi theo hình thức nào có đăng ký với cơ quan nhà nước không. Ông Hlà con ruột cụ Trích, cụ Đỉnh, ông không thấy ông Hsang nhà vợ chồng cụ Đ1 ăn ở sinh hoạt. Ông T được hai cụ nuôi ăn học từ bé, lớn lên dựng vợ, sau này vợ chồng và các con của ông T đều sinh sống cùng hai cụ, đến giờ gia đình ông T vẫn đang ở trên đất của các cụ (BL 184, 185). Việc ông Hkhẳng định mặc dù năm 1973 ông đi công tác, không ở cùng cụ Đ1, cụ L1 nhưng ông vẫn về thăm nom hai cụ, gửi tiền gạo về cho hai cụ, khi các cụ ốm đau ông vẫn có trách nhiệm. Năm 1991 cụ Đ1 đã phân công ông T có trách nhiệm trông nom cụ Đ1, cụ L1 ông có trách nhiệm trông nom, khi các cụ mất đi ông đóng góp tiền cho vợ chồng ông T lo ma chay rồi xây mộ. Ông T không thừa nhận và khẳng định ông Hkhông đóng góp gì. Việc ông Hvề thăm nom hai cụ hàng xóm dân làng có người biết, có người không biết, ông T có xác nhận ông Hvề thăm nom hai cụ như một người cháu trong họ, không có việc gia đình ông Hăn ở ngủ vì nhà ông chật chội. Mặt khác, việc ông Htrình bày đóng góp tiền đưa cho vợ chồng ông T lo cho các cụ lúc ốm đau, ma chay, chỉ có ông Hvà vợ chồng ông T biết với nhau, không có ai chứng kiến nhưng vợ chồng ông T phủ nhận nội dung này. Như vậy, việc ăn ở của ông Hở nhà cụ Đ1 từ năm 1963 đến 1973, việc chăm sóc khi các cụ còn trẻ, phụng dưỡng khi về già đến khi mất đi lo ma chay, mồ mả của ông Hlà không có bằng chứng thực tế xác thực. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu ông Hcung cấp tài liệu giấy khai sinh, giấy tờ tùy thân, phiếu L1 lịch tư pháp của ông Hnhưng ông Hkhông cung cấp được chứng cứ chứng minh ông Hlà con nuôi của cụ Đ1, cụ L1. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm ông Hcó nộp 01 bản phôtô thể hiện một phần của bản kê khai L1 lịch nhưng không có dấu của cơ quan có thẩm quyền đối với bản L1 lịch này, tại phiên tòa phúc thẩm ông Htrình bày phần kê khai này ông Htự ghi vào thời điểm năm 1975 không có cơ quan nào xác nhận. Tại giấy khai sinh đăng ký ngày 20/8/1960 tại UBND xã Đoàn Kết, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên thể hiện ông Nguyễn Th H, sinh ngày 10/5/1954 cha là Nguyễn Văn Trích, mẹ là Hoàng Thị Đỉnh (BL 140). Mặt khác, bản thân ông Hóa, ông Chấn (anh trai ông Hóa), bà May (chị dâu ông Hóa) đều khẳng định năm 1993 gia đình đã thống nhất bàn bạc chia cho ông H1 phần đất của bố mẹ ruột ông Hnhưng ông Htự nguyện nhường lại phần đất của mình được chia cho ông May (anh trai ông) ở, sử dụng. Việc chia đất thể hiện gia đình ông Hvẫn luôn coi ông Hlà con ruột trong nhà, không phải là con nuôi của cụ Đ1, cụ L1 (BL 211, 232, 233). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không có căn cứ xác định ông Nguyễn Th H là con nuôi của cụ Đ1, cụ L1 là phù hợp và đúng pháp luật.

[3.2]. Xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất đang tranh chấp

Theo văn bản xin khai báo về đất ao, nhà ở ngày 21/10/1983 của cụ Nguyễn Văn Đ1 thì mảnh đất mà gia đình ông T đang ở và sử dụng có nguồn gốc ban đầu là cụ Nguyễn V Đ2(em trai cụ Đ1) ở trong Nam về quê mua "*em Điều tôi lớn lên tham gia cách mạng năm 1957 qua cải cách em tôi mua 2 sào 2 miếng ruộng địa Bản xã xứ Cống Thông sau đổi về cánh mạ ngõ vực liền ngõ ông Nguyễn Văn Cứu, đổi 1 sào 2 miếng đào vượt làm nơi nhà ở xây dựng xong em tôi lại vào Nam Bộ công tác giao nhà đất cho tôi*", theo nội dung văn bản thì cụ Đ1 muốn giao lại nhà đất của cụ Điều cho ông Nguyễn Quảng (là con trai cụ Nguyễn Văn Toàn - là anh của cụ Điều, cụ Đ1). Tại biên bản xác minh ngày 14/8/2025 thì theo bản đồ 299 của những năm 1980 mảnh đất này thuộc số thửa 105, diện tích 435m^2; Tại quyển sổ dân cư, tờ 4, trạm xá chợ vụ (Phương Trung) số thửa 105, chủ hộ Ng.Quảng (Đ1) diện tích 455m^2. Ngày 05/12/1996 Ủy ban nhân dân huyện Phù Tiên cấp giấy CNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn Đ1 với diện tích 493m^2 tại xã Phương Chiểu, huyện Phù Tiên, tỉnh Hải Hưng. Theo bản đồ Vlap năm 2013 tên người kê khai sử dụng là Nguyễn V T, số thửa 122 diện tích 315,3m^2 đất ONT, số thửa 127 diện tích 156,7m^2 đất TSN. Như vậy, có đủ căn cứ xác định cụ Đ1 được ông Quảng cho toàn bộ diện tích đất của cụ Điều để lại, đã được cụ Đ1 đăng ký sử dụng, không có tranh chấp gì từ trước năm 1993 và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Đ1 vào năm 1996. Đến năm 1999 cụ Đ1 đã làm thủ tục cho tặng toàn bộ diện tích trên cho ông Nguyễn V T, đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định.

Đối với tài sản trên đất, kết quả thu thập chứng cứ thể hiện ban đầu vợ chồng cụ Đ1 ở tại ngôi nhà ông Điều xây dựng lên, sau đó vợ chồng ông T ở cùng 2 cụ, do lâu ngày nhà xuống cấp nên vợ chồng ông T đã phá bỏ nhà cũ đi xây dựng nhà mới có mái bê tông + ngói vào năm 1992. Năm 2017 xây thêm nhà 01 tầng 01 tum bằng nguồn tiền của chị Phương bên Nhật gửi về, làm sân gạch đỏ bắn lán tôn phía trước nhà xây năm 1992 bằng nguồn tiền của anh T Hđóng góp, đồ dùng sinh hoạt gia đình do chị Trang mua. Toàn bộ tài sản hiện nay là do vợ chồng ông T và các con tạo dựng lên, đổ đất cát vào ao để làm vườn hiện nay cũng do vợ chồng ông T vượt lập nên. Bản thân ông Hcũng khẳng định ông không có công sức gì trong việc tạo dựng khối tài sản trên đất của cụ Đ1, nhà ở của hai cụ trước đó đã phá bỏ, ông không ở, không sử dụng đất từ năm 1973 đến nay. Do đó, có căn cứ xác định toàn bộ tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp của gia đình ông Nguyễn V T.

Như phân tích tại mục [3.1] nêu trên, do không có căn cứ xác định ông Hlà con nuôi hợp pháp của cụ Đ1, cụ L1 và toàn bộ diện tích đất đã được cụ Đ1 cho ông T bằng văn bản, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, toàn bộ tài sản trên đất là của ông T và gia đình ông T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hvề chia di sản của cụ Đ1, cụ L1 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện chia nhà và đất ruộng, ông Hđã có đơn rút yêu cầu chia nhà và đất ruộng 1,4 sào nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ phần yêu cầu này là đúng quy định.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập và đánh giá chứng cứ khách quan, đầy đủ, áp dụng đúng quy định của pháp luật, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Th H là phù hợp và đúng pháp luât. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông Hkhông cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp. Do đó, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Hóa, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên toà là phù hợp.

4. Về án phí: Kháng cáo của ông Hkhông được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng ông Hlà người cao tuổi nên được miễn phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 227, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Th H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2026/DS-ST ngày 30/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên, cụ thể:

Căn cứ Điều 649, Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 156; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158; khoản 1 Điều 164; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 166; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a Mục 6 Nghị quyết số 01/NQ - HĐTP ngày 20/1/1988 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Khoản 1 Mục A chương III Thông tư số 81/TANDTC ngày 24/7/1981 của Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L1 và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Th H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ nuôi cụ Nguyễn Văn Đ1 và cụ Hoàng Thị L1.

[2]. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn V T. Công nhận ông Nguyễn V T là con nuôi thực tế của cụ Nguyễn Văn Đ1 và cụ Hoàng Thị L1.

[3]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông H chia nhà và đất ruộng 1,4 sào.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông T công nhận quyền thừa kế hợp pháp của ông T đối với toàn bộ di sản thừa kế của cụ Đ1 cụ L1.

[4]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông H phải chịu toàn bộ chi phí là số tiền 5.700.000 đồng. Ông Hđã nộp đủ.

[5]. Về án phí: Ông H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

II. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Th H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ngày 09/6/2026.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên;*
- *Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Hưng Yên;*
- *Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Hưng Yên*
- *Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Duy Luân